

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG Y HỌC CỔ TRUYỀN TẠI TUYẾN XÃ Ở TỈNH HẢI DƯƠNG

PHẠM VŨ KHÁNH, HOÀNG THỊ HOA LÝ
TRẦN ĐỨC TUẤN, NGUYỄN THÀNH TRUNG

ĐẶT VẤN ĐỀ

Y học cổ truyền (YHCT) là nền y học sớm nhất của loài người. Mặc dù có những thăng trầm theo lịch sử phát triển của nền chính trị - kinh tế, văn hóa, y tế của mỗi quốc gia nhưng sự đóng góp to lớn của YHCT đối với sức khỏe nhân loại ngày càng được thừa nhận và phát triển.

Y dược cổ truyền là là thể mạnh của nền y tế nước ta, là di sản văn hoá của dân tộc Việt Nam, nhiều bậc đại danh y tên tuổi còn sống mãi như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Đại Năng, Hoàng Đôn Hòa... đã để lại những công trình, những cách chữa trị bệnh công hiệu, những bài thuốc quý lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây tỷ lệ sử dụng YHCT trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng của người dân Việt Nam có xu hướng giảm và chưa xứng tầm với tiềm năng vốn có, tỷ lệ sử dụng YHCT tại tuyến xã chưa đạt so với chỉ tiêu của Chính sách Quốc gia về Y dược cổ truyền đến năm 2010.

Để tìm hiểu thêm những thông tin về tình hình sử dụng, thái độ, kiến thức của người dân đối với YHCT, qua đó tìm ra những yếu tố có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm việc sử dụng YHCT của người dân trong CSSKCB. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Thực trạng sử dụng y học cổ truyền của người dân tại tuyến xã phường thuộc tỉnh Hải Dương "

Mục tiêu nghiên cứu:

- Mô tả thực trạng sử dụng y học cổ truyền tuyến xã phường của người dân tỉnh Hải Dương.

- Xác định một số yếu tố chính ảnh hưởng đến việc sử dụng y học cổ truyền tại tuyến xã phường của người dân tỉnh Hải Dương.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. **Đối tượng nghiên cứu:** 801 người dân đại diện cho 801 hộ gia đình tại địa bàn nghiên cứu

2. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả

cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng với nghiên cứu định tính.

3. **Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập thông tin qua các phiếu điều tra, quan sát thực tế, tổ chức 9 cuộc thảo luận nhóm tại 9 xã, phỏng vấn sâu các thành viên thuộc các tổ chức đoàn thể, xã hội, nghề nghiệp: Hội Đông y, Hội Cựu Chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ...

4. **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 tại 03 huyện, TP và 09 xã phường của Tỉnh Hải Dương cụ thể như sau: Hải Tân, Thạch Khôi, Tân Hưng (thuộc TP Hải Dương); Cẩm Vũ, Cẩm Hoàng, Cẩm Văn (thuộc huyện Cẩm Giàng); Hồng Dụ, Quyết Thắng, Nghĩa An (thuộc huyện Ninh Giang).

5. Xử lý số liệu:

Định lượng: sử dụng phần mềm Epi – info 6.04

Định tính: tổng hợp theo chủ đề, trích dẫn và phân tích số liệu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1 Mô hình bệnh tật tại cộng đồng trong thời gian 01 tháng (10 bệnh thường gặp)

STT	Tên bệnh	Tần số	Tỷ lệ %
1	Sốt virus	85	25,7
2	Viêm họng	50	15
3	Đau lưng	28	8,5
4	Hội chứng dạ dày tá tràng	27	8,1
5	SNCT	20	6,04
6	Viêm phế quản - phổi	18	5,43
7	Đau xương khớp	14	4,23
8	Rối loạn tiêu hoá	12	3,62
9	Cao huyết áp	13	3,93
10	Đau đầu	12	3,62
11	Các bệnh khác	52	15,7
12	Tổng cộng	331	100,0

Nhận xét: qua 331 trường hợp mắc bệnh trong một tháng tại thời điểm nghiên cứu cho thấy tỷ lệ mắc cao nhất là sốt do virus chiếm 25,7% tiếp đó là viêm họng 15%; đau lưng 8,5%; hội chứng dạ dày tá tràng 8,1%; suy nhược cơ thể 6,04%; viêm phế quản – phổi 5,43%

Bảng 2. Tỷ lệ sử dụng YHCT trong 6 tháng

Địa bàn sử dụng YHCT	TP.Hải Dương		H.Cẩm Giàng		H.Ninh Giang		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Có sử dụng	204	75,0	163	62	189	71,0	556	69,4
Không sử dụng	68	25,0	100	38	77	29,0	245	30,6
Tổng số	272	34,0	263	32,8	266	33,2	801	100

$X^2 = 11,18$ $p=0,004$

Nhận xét: tỷ lệ có sử dụng YHCT chung của cả 03 địa bàn nghiên cứu là 69,4%; không sử dụng 30,6%.

Bảng 3. Tỷ lệ người dân biết chữa bệnh bằng YHCT

Biết chữa bệnh	Tần số	Tỷ lệ %
Có biết	296	37,0
Không biết	505	63,0
Tổng	801	100,0

Nhận xét: tỷ lệ người dân biết chữa bệnh bằng YHCT là 37%; không biết chữa bệnh bằng YHCT là 63%.

Bảng 4. Tỷ lệ người dân có trồng cây thuốc tại vườn nhà ở ba vùng

Địa bàn Gia đình trồng cây thuốc	TP.Hải Dương		H.Cẩm Giàng		H.Ninh Giang		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Có trồng	97	36	31	11,8	144	54,1	272	34
Không trồng	175	64,3	232	88,2	122	45,9	529	66
Tổng số	272	34	263	32,8	266	33,2	801	100

$X^2 = 106,29$ $p < 0,001$

Nhận xét: tỷ lệ hộ gia đình ở TP Hải Dương có trồng cây thuốc là 36%; huyện Cẩm giàng là 11,8%; huyện Ninh Giang là 34%.

Bảng 5. Hình thức sử dụng YHCT của người dân

Hình thức sử dụng	TP.Hải Dương		H.Cẩm Giàng		H.Ninh Giang		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Thuốc YHCT	59	29,6	57	28,6	83	41,7	199	24,8
PP không dùng thuốc	2	15,4	4	30,7	7	53,8	13	1,6
Kết hợp cả 2	143	41,6	102	29,6	99	28,7	344	42,9
Tổng số	204	25,5	163	20,3	189	23,6	801	100

Nhận xét: người dân sử dụng thuốc YHCT đơn thuần là 24,8%; điều trị kết hợp phương pháp sử dụng thuốc và không dùng thuốc là 42,9%; phương pháp không dùng thuốc chỉ chiếm 1,6%.

Bảng 6. Tiếp cận của người dân với dịch vụ YHCT

Nơi người dân sử dụng YHCT	TP.Hải Dương		H.Cẩm Giàng		H.Ninh Giang		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%
BV chuyên khoa	107	39,5	37	24,2	84	28,5	228	41
Trạm y tế	113	41,7	25	16,3	107	36,3	245	44
Y tế tư nhân	22	8,1	85	55,6	60	20,3	167	30
Ông lang	18	6,7	2	1,3	3	1,01	23	4,1
Tự chữa	8	2,9	4	2,6	41	13,9	53	9,5

Nhận xét: khi người dân có nhu cầu về sử dụng YHCT thì họ đến với các thầy lang 4,1%; tự chữa 9,5%; thầy thuốc tư nhân 30%; trạm y tế 44%; bệnh viện chuyên khoa về YHCT 41%.

Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến việc sử dụng YHCT của người dân

Bảng 7. Liên quan giữa biết chữa bệnh bằng YHCT và sử dụng YHCT của người dân

Người dân	Có sử dụng YHCT	Không sử dụng YHCT	Tổng số
Biết chữa	345	97	442
Không biết chữa	211	148	359
Tổng	556	245	801

$X^2 = 34,68$; $p = 0,001$

Nhận xét: người biết chữa bệnh bằng YHCT sử dụng YHCT nhiều hơn với $p < 0,01$.

Bảng 8. Liên quan giữa dịch vụ YHCT của trạm y tế đáp ứng nhu cầu người dân để điều trị

Nội dung	Đến	Không đến	Tổng
Có đáp ứng	424	17	441
Không đáp ứng	225	135	360
Tổng	649	152	801

$X^2 = 145,9$ $p = 0,001$; $OR(95\%CI) = 14,97(8,8-25,4)$

Nhận xét: : Dịch vụ khám chữa bệnh bằng YHCT tại trạm y tế xã, phường đáp ứng được nhu cầu người dân tại cộng đồng thì người dân đến điều trị nhiều hơn với $p < 0,001$.

Bảng 9. Liên quan giữa việc có trồng cây thuốc với có sử dụng YHCT

Nội dung	Có trồng		Không trồng		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Đã sử dụng	209	37,6	347	62,4	556	69,4
Chưa sử dụng	63	25,7	182	74,3	245	30,6
Tổng	272	34,0	529	66,0	801	100,0

$X^2 = 10,7$; $p = 0,001$

Nhận xét: Việc trồng cây thuốc tại vườn có tác động đến việc người dân lựa chọn YHCT để điều trị với $p < 0,001$

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Kết quả thảo luận của 9 nhóm đại diện cho đối tượng là người dân và đại diện cho các tổ chức đoàn thể của 9 xã,phường của Tỉnh Hải Dương, ta có kết quả như sau:

1. Quan điểm, thái độ của người dân và các tổ chức đoàn thể về sử dụng YHCT

- Niềm tin đối với YHCT: 92% các thành viên được hỏi đều đã dùng YHCT để chữa bệnh và 89%

tin tưởng vào các phương pháp chữa bệnh bằng YHCT.

- Lý do người dân lựa chọn YHCT trong CSSKGD: 92% cho rằng thuốc YHCT lành, ít tác dụng phụ đặc biệt là chữa được nhiều bệnh thông thường như cảm cúm, nhức đầu, mụn nhọt, rối loạn kinh nguyệt..., các bệnh mạn tính như đau khớp, đau lưng, viêm đại tràng... Các bệnh mạn tính được người dân lựa chọn sử dụng YHCT với tỷ lệ 61%. Hầu hết họ cho rằng hiệu quả điều trị của thuốc YHHĐ hạn chế trong điều trị bệnh mạn tính, hơn nữa nếu dùng lâu ngày sẽ có nhiều tác dụng phụ do đó người dân thường chọn thuốc YHHĐ điều trị bệnh cấp tính, hoặc giai đoạn cấp của bệnh sau đó họ sử dụng các phương pháp điều trị của YHCT.

- Đối với hiệu quả điều trị của thuốc YHCT: 75% cho rằng hiệu quả điều trị của thuốc YHCT là rất tốt, 19,5% cho rằng hiệu quả điều trị của thuốc YHCT là trung bình, chỉ có 5,5% cho rằng hiệu quả điều trị của thuốc YHCT là không tốt.

2. Nhu cầu sử dụng YHCT

- Một số thành viên tham gia thảo luận nhóm cho rằng thuốc YHCT dưới dạng chế phẩm còn nghèo nàn về chủng loại và số lượng, trạm y tế xã chưa đáp ứng đủ nhu cầu được chăm sóc sức khỏe bằng YHCT cho nhân dân trong vùng do đó nhiều khi người dân rất muốn sử dụng thuốc và các phương pháp chữa bệnh của YHCT nhưng không có người cung cấp nên họ đã tìm đến với thuốc và các phương pháp chữa bệnh của YHHĐ.

- Phần lớn số thành viên tham gia thảo luận nhóm đều cho rằng: Giới trẻ ngày nay ít hiểu biết và quan tâm đến thuốc YHCT và các phương pháp phòng và điều trị bệnh trong dân gian, hầu như họ chỉ quen dùng thuốc YHHĐ vì theo họ thuốc YHHĐ tiện dụng, nhanh khỏi. Một số cho rằng nhiều khi họ cũng muốn sử dụng thuốc YHCT trong điều trị một số chứng bệnh thông thường để ít có tác dụng phụ nhưng do họ thiếu kiến thức về YHCT mà không biết hỏi ai và cũng không có sách vở tài liệu về YHCT.

BÀN LUẬN

1. Thực trạng sử dụng YHCT trong CSSK tại cộng đồng tại tỉnh Hải Dương

Trong số 801 hộ gia đình tham gia phỏng vấn, trong thời gian một tháng tại thời điểm nghiên cứu tỷ lệ hộ có người ốm chiếm 41% với nhiều dạng bệnh khác nhau. Tỷ lệ bệnh mắc cao: sốt do virus 25,7% viêm họng 15%; đau lưng 8,5%; hội chứng dạ dày tá tràng 8,1%; suy nhược cơ thể 6,04%; viêm phế quản - phổi 5,43%...

Tỷ lệ sử dụng YHCT: kết quả phỏng vấn 801 người dân về tình hình sử dụng YHCT 69,4%; kết quả này thấp hơn kết quả nghiên cứu của Ngô Huy Minh năm 2002 (79.1%); Viện YHCT Việt Nam năm 1998 (85%); Trần Thuý và cộng sự năm 1999 (87.2%). Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Thị Phương năm 1996 (70.1%), Phạm Vũ Khánh năm 2006 (70,9%) nhưng cao hơn so với nghiên cứu

của Thái Văn Vinh (65.1%) năm 1999. Sự khác nhau về kết quả trong các nghiên cứu trên có lẽ do khác nhau thời điểm, địa bàn nghiên cứu và do cách chọn mẫu. Trong số đã sử dụng YHCT thì ở TP Hải Dương tỷ lệ người dân sử dụng YHCT phổ biến hơn các vùng khác ($P=0,004$).

Tỷ lệ hộ gia đình ở TP Hải Dương có trồng cây thuốc là 36%; huyện Cẩm Giàng là 11,8%; huyện Ninh Giang là 34%.

Hình thức sử dụng YHCT: kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với kết quả của những nghiên cứu trước đây đó là tỷ lệ người dân sử dụng kết hợp cả hai phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc cao hơn so với các phương pháp đơn thuần. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân sử dụng phương pháp điều trị kết hợp (42,9%) thấp hơn so với nghiên cứu của Ngô Huy Minh năm 2002 (49,8%). Dùng thuốc YHCT đơn thuần là 24.8% thấp hơn Ngô Huy Minh (47,9), Phạm Vũ Khánh (52,8%) và cao hơn Đỗ Thị Phương (23,4%). Phương pháp không dùng thuốc chỉ chiếm 1,6%; kết quả này tương đồng với những nghiên cứu trước đây.

Mục đích sử dụng YHCT: kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức về YHCT đã có những thay đổi theo hướng tích cực hơn. Theo nghiên cứu của Đỗ Thị Phương (1996) có 23.66%, Trần Thuý và cộng sự (1999) có 13.9%, Ngô Huy Minh (2002) có 36% người dân đã sử dụng YHCT để chữa bệnh, trong nghiên cứu này tỷ lệ chiếm 51,8%. Đây là dấu hiệu cho thấy ngày nay người dân đã dần tin vào kết quả điều trị bằng YHCT2. Một số yếu tố chính ảnh hưởng tới việc sử dụng YHCT của người dân trong CSSK tại 9 xã của Tỉnh Hải Dương

2. Một số yếu tố chính ảnh hưởng tới việc sử dụng YHCT của người dân trong CSSK tại 9 xã của tỉnh Hải Dương

Có mối liên quan giữa người dân có kiến thức về YHCT với việc người dân sử dụng YHCT trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

Người dân sử dụng YHCT nhiều hơn tại TYT đáp ứng được nhu cầu so với TYT không đủ khả năng đáp ứng với $p < 0,001$.

Việc trồng cây thuốc tại vườn của Hộ gia đình có tác động đến việc người dân lựa chọn YHCT để điều trị với $p < 0,001$

KẾT LUẬN:

Tỷ lệ Hộ gia đình có người bị bệnh trong một tháng tại thời điểm nghiên cứu là 41%.

Tỷ lệ người dân sử dụng YHCT để phòng và chữa bệnh là 69%

Người dân sử dụng thuốc YHCT đơn thuần là 24,8%; điều trị kết hợp phương pháp sử dụng thuốc và không dùng thuốc là 42,9%; Sử dụng phương pháp châm cứu, xoa bóp bấm huyệt 1,6%.

Có mối liên quan giữa việc người dân có kiến thức về YHCT hoặc có trồng cây thuốc tại vườn nhà cũng như sự đáp ứng của TYT xã với việc sử dụng YHCT của người dân.

SUMMARY

Through researches on 801 people representing households make use of traditional medicine in the health care community in the province of Hai Duong we have noticed that.

- The proportion of households with sick people in a month at the time of the study was 41%.

- Percentage of people use traditional medicine to prevent and cure disease is 69%

- People use traditional medicine alone is 24.8%; combination therapy method using drugs and no drug was 42.9%; use acupuncture, acupressure massage 1.6%.

- There is a link between the people with knowledge of traditional medicine or medicinal plants grown in home gardens as well as met of CHSs with the traditional use of the people.

Từ khóa: traditional medicine, Hai Duong

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Phương (1996), "Nghiên cứu hiện trạng sử dụng thuốc y học cổ truyền và các tác dụng điều trị của 8 chế phẩm thuốc nam ở một số cộng đồng nông thôn", Luận án PTS Y học.

2. Trần Thúy và cộng sự (1999), *Nghiên cứu việc sử dụng và quan niệm của người dân về YHCT*, Hà Nội

3. Thái Văn Vinh (1999), *Nghiên cứu thực trạng sử dụng YHCT tại 3 xã miền núi thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sỹ khoa học y dược, Viện YHCT Quân đội.

4. Ngô Huy Minh (2002), *Thực trạng sử dụng YHCT của người dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*, Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, trường Cán bộ Quản lý

5. Phạm Vũ Khánh (2008), *Thực trạng sử dụng sử dụng thuốc và các biện pháp không dùng thuốc YHCT ở các tỉnh phía Bắc*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.